



wǔ huì
舞会

noun · dance party; ball

Example Sentences

Tā chuān le yī tiáo piào liang de qún zi qù cān jiā wǔ huì.
她穿了一条漂亮的裙子去参加舞会。

She wore a beautiful dress to attend the dance party.

Wǔ huì shàng dà jiā dōu zài kāi xīn de tiào wǔ.
舞会上大家都在开心地跳舞。

Everyone was happily dancing at the ball.

Trace each character, then write the word on your own.

舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞
舞	舞	舞	舞	舞	舞					
会	会	会	会	会	会	会	会	会		